



**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
và các công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**



Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng Nhận
Đăng ký Kinh doanh số 0103018458 ngày 23 tháng 7 năm 2007

Giấy Chứng Nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0102325399 ngày 19 tháng 4 năm 2011

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102325399 ngày 16 tháng 1 năm 2017. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Giấy Chứng Nhận
Đăng ký Đầu tư số 2357762445 ngày 30 tháng 12 năm 2016

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư do Ban Quản Lý Khu Công Nghệ Cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp và có giá trị trong vòng 50 năm kể từ ngày cấp.

Hội đồng Quản trị	Nguyễn Thanh Hà	Chủ tịch
	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Chủ tịch
	Nguyễn Thanh Hùng	Phó Chủ tịch
	Chu Việt Cường	Thành viên
	Lưu Đức Khánh	Thành viên
	Lương Thế Phúc	Thành viên

Ban Giám đốc	Nguyễn Thị Phương Thảo	Tổng Giám đốc
	Lưu Đức Khánh	Giám đốc Điều hành
	Nguyễn Đức Tâm	Phó Tổng Giám đốc
	Lương Thế Phúc	Phó Tổng Giám đốc
	Đình Việt Phương	Phó Tổng Giám đốc
	Nguyễn Thị Thúy Bình	Phó Tổng Giám đốc
	Tô Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc
	Nguyễn Đức Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
	Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc
	Nguyễn Thị Kim Chính	Phó Tổng Giám đốc
		(đến ngày 23 tháng 12 năm 2016)
	Đỗ Xuân Quang	Phó Tổng Giám đốc
		(đến ngày 18 tháng 11 năm 2016)
Noraesyah Yvonne Binti Abdullah	Giám đốc Tài chính	
	(từ ngày 1 tháng 12 năm 2016)	

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Trần Dương Ngọc Thảo
Phạm Minh Hà
Đoàn Thu Hương

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Đơn nguyên 1, nhà 2C, khu Đoàn ngoại giao Vạn Phúc,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình
Thành phố Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng không VietJet (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến 55 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Thị Phương Thảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng không VietJet (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 6 đến trang 55.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-1057-2



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Cẩm Tú
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2193-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2017

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		10.313.466.695.796	6.257.864.316.315
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.741.341.465.691	923.512.917.695
Tiền	111		1.086.741.465.691	273.512.917.695
Các khoản tương đương tiền	112		1.654.600.000.000	650.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.400.000.000	270.000.000.000
Công cụ tài chính kinh doanh	121		-	270.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.400.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.128.756.627.068	4.691.405.870.021
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.758.360.196.227	639.233.057.212
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7(a)	91.313.966.035	334.715.978.511
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	32.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	5.279.082.464.806	3.685.456.834.298
Hàng tồn kho	140	9	137.930.296.755	164.428.122.872
Tài sản ngắn hạn khác	150		304.038.306.282	208.517.405.727
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	241.502.028.011	202.836.870.543
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	16(b)	5.682.750.824	5.680.535.184
Thuế phải thu Nhà Nước	153	16(b)	56.853.527.447	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		9.749.234.828.931	5.786.999.448.908
Các khoản phải thu dài hạn	210		5.104.774.400.197	2.885.226.595.760
Trả trước cho người bán dài hạn	212	7(b)	701.500.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	4.403.274.400.197	2.885.226.595.760
Tài sản cố định	220		1.047.218.102.390	28.964.897.604
Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.039.794.508.192	17.742.310.565
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>1.102.569.142.629</i>	<i>39.655.775.900</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(62.774.634.437)</i>	<i>(21.913.465.335)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	11	7.423.594.198	11.222.587.039
<i>Nguyên giá</i>	228		<i>27.580.216.155</i>	<i>26.367.181.251</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(20.156.621.957)</i>	<i>(15.144.594.212)</i>
Tài sản dở dang dài hạn	240		181.302.243.599	137.353.932.965
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	181.302.243.599	137.353.932.965
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	68.424.629.818	8.424.629.818
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		60.000.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.868.448.000	7.868.448.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		556.181.818	556.181.818
Tài sản dài hạn khác	260		3.347.515.452.927	2.727.029.392.761
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	3.347.515.452.927	2.727.029.392.761
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		20.062.701.524.727	12.044.863.765.223

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này


Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		15.328.679.347.088	9.897.423.484.873
Nợ ngắn hạn	310		10.570.076.600.330	6.393.867.460.244
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	391.117.403.830	425.825.498.260
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		306.908.790.544	169.271.600.512
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16(a)	197.975.487.841	62.933.846.915
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	492.497.152.683	396.937.677.585
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	1.306.836.634.360	662.230.377.199
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	528.665.316.650	622.174.879.614
Vay ngắn hạn	320	20(a)	6.102.386.845.285	3.543.467.794.788
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	1.243.688.969.137	511.025.785.371
Nợ dài hạn	330		4.758.602.746.758	3.503.556.024.629
Phải trả dài hạn khác	337		17.436.536.908	8.967.800.380
Vay dài hạn	338	20(b)	694.840.299.644	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	22	82.471.339.722	31.558.668.102
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	3.963.854.570.484	3.463.029.556.147
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		4.734.022.177.639	2.147.440.280.350
Vốn chủ sở hữu	410	23	4.734.022.177.639	2.147.440.280.350
Vốn cổ phần	411	24	3.000.000.000.000	1.450.000.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		29.673.324.403	10.578.470.043
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.702.862.911.199	685.722.725.515
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.485.942.037	1.139.084.792
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		20.062.701.524.727	12.044.863.765.223

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Hoàng Mạnh Hà
 Quyền Kế Toán Trưởng

Người duyệt:



Lưu Đức Khánh
 Giám đốc Điều hành

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	27.499.296.237.637	19.845.478.919.852
Giá vốn hàng bán	11	28	23.597.459.394.556	17.735.540.395.773
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		3.901.836.843.081	2.109.938.524.079
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	144.656.340.136	153.676.796.667
Chi phí tài chính	22	30	653.948.554.956	561.567.340.925
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>180.732.739.883</i>	<i>129.699.274.892</i>
Phần lỗ trong công ty liên kết	24		(14.605.462.081)	(20.606.172.829)
Chi phí bán hàng	25	31	517.790.332.496	317.844.423.588
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	188.801.029.582	203.353.915.992
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		2.671.347.804.102	1.160.243.467.412
Thu nhập khác	31		31.852.848.762	8.379.092.634
Chi phí khác	32		54.588.241	140.032.814
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		31.798.260.521	8.239.059.820
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.703.146.064.623	1.168.482.527.232
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	156.246.350.074	-
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	34	50.912.671.620	(2.149.186.431)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.495.987.042.929	1.170.631.713.663

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

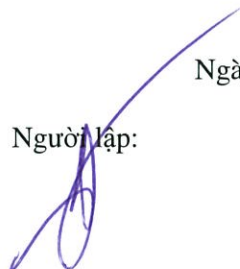
Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.495.987.042.929	1.170.631.713.663
Phân bổ:				
Cổ đông của Công ty	61		2.495.640.185.684	1.170.253.353.846
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	62		346.857.245	378.359.817
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	9.586	5.893

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Hoàng Mạnh Hà
Quyền Kế Toán Trưởng

Người duyệt:



Lưu Đức Khánh
Giám đốc Điều hành

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/ 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		2.703.146.064.623	1.168.482.527.232
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		45.873.196.847	10.165.032.533
Các khoản dự phòng	03		53.085.360.121	-
Giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu của khoản dự phòng (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03		442.283.153.862	272.908.367.170
Lãi tiền gửi và cho vay	04		(50.494.265.652)	40.184.427.061
Phần lỗ trong công ty liên kết	05		(55.494.512.525)	(14.959.749.738)
Lãi từ thanh lý công ty con và công ty liên kết	05		14.605.462.081	20.606.172.829
Lỗ từ thanh lý và xóa sổ tài sản cố định	05		-	(19.634.366.469)
Cổ tức được chia	05		-	16.078.787
Lãi từ hoạt động đầu tư khác	05		(1.180.266.000)	-
Chi phí lãi vay	06		-	(31.807.087.556)
			180.732.739.883	129.699.274.892
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		3.332.556.933.240	1.575.660.676.741
Biến động các khoản phải thu	09		(2.628.501.734.577)	(1.625.001.218.034)
Biến động hàng tồn kho	10		26.497.826.117	(71.064.886.853)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		848.242.406.191	1.014.101.748.947
Biến động chi phí trả trước	12		275.392.428.650	120.235.326.504
			1.854.187.859.621	1.013.931.647.305
Tiền lãi vay đã trả	14		(177.942.929.579)	(162.169.963.853)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(40.220.855.647)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		1.636.024.074.395	851.761.683.452

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/ 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(1.859.421.262.131)	(161.111.592.351)
Tiền chi đặt cọc mua máy bay	21	(1.286.462.375.174)	(1.048.612.463.176)
Tiền thu hồi các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	270.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25	(60.000.000.000)	-
Tiền chi gửi có kỳ hạn	25	(1.400.000.000)	-
Tiền thuần thu từ thanh lý một công ty con	26	-	(1.261.983.489)
Tiền thu lãi tiền gửi và lãi cho vay	27	105.910.808.415	10.256.694.183
Tiền thu cổ tức nhận được	27	1.180.266.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(2.830.192.562.890)	(1.200.729.344.833)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	71.500.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	21.249.914.036.344	13.366.588.908.049
Tiền thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư	33	-	300.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(18.035.136.049.967)	(12.426.501.340.454)
Tiền chi trả cho hợp đồng hợp tác đầu tư	34	(300.000.000.000)	(500.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	2.986.277.986.377	740.087.567.595

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

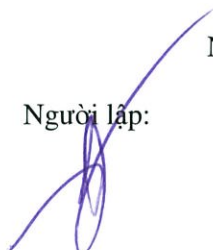
Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2016 VND	2015 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	1.792.109.497.882	391.119.906.214
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	923.512.917.695	526.748.546.327
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	6.624.195.754	(4.474.463.459)
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ	61	19.094.854.360	10.118.928.613
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70 5	2.741.341.465.691	923.512.917.695

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Hoàng Mạnh Hà
Quyền Kế Toán Trưởng

Người duyệt:



Lưu Đức Khánh
Giám đốc Điều hành

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

Ngày 6 tháng 2 năm 2017, theo Quyết định số 29/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, với mã giao dịch là VJC.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách và vận chuyển hàng hóa trên các tuyến đường bay nội địa và quốc tế và các hoạt động hỗ trợ liên quan và mua bán máy bay.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có 5 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2016: 5 công ty con và 1 công ty liên kết) như sau:

Công ty	Các hoạt động chính	Giấy phép Kinh doanh	Lợi ích sở hữu	
			31/12/2016	1/1/2016
<i>Các công ty con</i>				
Công ty Cổ phần VietjetAir Cargo	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận chuyển hàng hóa.	Số 0312759089 ngày 27 tháng 8 năm 2014	90%	90%
Vietjet Air IVB No. I Limited (*)	Kinh doanh máy bay.	Số 1825671 ngày 27 tháng 5 năm 2014	100%	100%
Vietjet Air IVB No. II Limited (*)	Kinh doanh máy bay.	Số 1825613 ngày 27 tháng 5 năm 2014	100%	100%

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty	Các hoạt động chính	Giấy phép Kinh doanh	Lợi ích sở hữu	
			31/12/2016	1/1/2016
Vietjet Air Singapore Pte. Ltd. (*)	Kinh doanh máy bay.	Số 201408849N ngày 27 tháng 3 năm 2014	100%	100%
Vietjet Air Ireland No. 1 Limited (*)	Kinh doanh máy bay.	Số 544879 ngày 3 tháng 6 năm 2014	100%	100%
<i>Công ty liên kết</i> Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited (*) (**)	Cung cấp dịch vụ vận chuyển và chuyển giao hàng hóa và hành khách, tổ chức các chuyến đi du lịch và các dịch vụ liên quan khác.	Số 0105556100551 ngày 25 tháng 6 năm 2013	9%	9%
Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh (**)	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	Số 4201676638 ngày 5 tháng 2 năm 2016	10%	-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty chưa góp vốn vào các công ty con và công ty liên kết này.

(**) Công ty có ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này bởi vì Công ty có quyền bổ nhiệm thành viên trong Hội đồng Quản trị của các công ty này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có 2.494 nhân viên (1/1/2016: 1.792 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các câu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyên khoản bình quân của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Công cụ tài chính kinh doanh

Công cụ tài chính kinh doanh là các loại công cụ tài chính được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư vào công cụ nợ mà Ban Giám đốc Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty hoặc các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Chi phí bảo dưỡng thuộc phạm vi của quỹ bảo dưỡng máy bay

Theo các điều khoản của hợp đồng thuê hoạt động máy bay, Tập đoàn có nghĩa vụ về mặt pháp lý và nghĩa vụ theo hợp đồng đối với hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa máy bay trong suốt thời gian thuê và phải đóng góp các khoản thuộc phạm vi của quỹ bảo dưỡng máy bay cho bên cho thuê máy bay. Quỹ bảo dưỡng máy bay được ghi nhận là phải thu ngắn hạn và phải thu dài hạn khác khi không có sự không chắc chắn đáng kể về khả năng nhận được các khoản hoàn trả từ bên cho thuê máy bay. Các khoản đóng góp vào quỹ bảo dưỡng được tính toán dựa trên hiệu suất hoạt động, như giờ bay hoặc số lần cất hạ cánh, và phải hoàn trả theo hợp đồng cho Tập đoàn khi Tập đoàn hoàn thành các hoạt động bảo dưỡng bắt buộc cho máy bay thuê bao gồm thay thế các bộ phận có thời gian sử dụng giới hạn, phục hồi hiệu suất động cơ, kiểm tra cấu trúc chính của khung máy bay, đại tu bộ phận hạ cánh và sửa chữa lớn APU (thiết bị cung cấp năng lượng phụ trợ). Phần còn lại của quỹ bảo dưỡng nếu có sau khi kết thúc thời hạn thuê sẽ thuộc quyền sở hữu của bên cho thuê máy bay.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các khoản giảm giá từ nhà sản xuất, nếu có, được giảm trừ vào nguyên giá của tài sản liên quan. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ máy bay và các bộ phận	20 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và chi phí mua máy bay chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí kiểm tra và sửa chữa lớn

Chi phí kiểm tra và sửa chữa lớn máy bay thuê được vốn hóa và phân bổ trong khoảng thời gian ngắn hơn giữa thời gian tính đến lần kiểm tra tiếp theo hoặc thời gian tính đến hết thời gian thuê còn lại.

(ii) Phụ tùng quay vòng

Phụ tùng quay vòng với thời gian hữu dụng ước tính dài hơn 1 năm được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính không quá 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 5 năm.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Dự phòng chi phí bảo dưỡng thuộc phạm vi của quỹ bảo dưỡng máy bay

Theo các điều khoản của hợp đồng thuê hoạt động máy bay giữa Tập đoàn và bên cho thuê và theo yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam, Tập đoàn có nghĩa vụ phải bảo dưỡng máy bay thường xuyên và định kỳ theo Kế hoạch Bảo dưỡng của từng máy bay (“MPD”), được xây dựng dựa trên hướng dẫn của các nhà sản xuất máy bay. Bảo dưỡng thường xuyên được thực hiện bằng chi phí riêng của Tập đoàn trong khi bảo dưỡng định kỳ được tài trợ bởi quỹ bảo dưỡng máy bay. Dự phòng chi phí bảo dưỡng máy bay thuộc phạm vi của quỹ bảo dưỡng máy bay được xác định bằng cách chiết khấu các khoản chi phí bảo dưỡng dự kiến phát sinh trong tương lai dựa trên kế hoạch của đội bay hiện tại. Trong thời gian thuê, chi phí bảo dưỡng ước tính cho lần bảo dưỡng tiếp theo được ghi nhận vào dự phòng với khoản tương ứng ghi vào chi phí trả trước dài hạn. Chi phí trả trước dài hạn này được phân bổ dựa trên thời gian và chu kỳ bay thực tế. Ảnh hưởng của giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

(ii) Dự phòng chi phí hoàn trả tài sản thuê

Đối với các hợp đồng thuê hoạt động máy bay, trong đó yêu cầu Tập đoàn trả lại máy bay trong tình trạng đáp ứng được một số điều kiện bảo trì nhất định, chi phí hoàn trả tài sản thuê được ước tính tại ngày bắt đầu thuê dựa trên giá trị hiện tại của các khoản chi phí dự kiến phát sinh trong tương lai vào thời điểm kết thúc hợp đồng thuê để Tập đoàn có thể đáp ứng được các điều kiện nhất định để hoàn trả các máy bay cho bên cho thuê, bao gồm các mức độ bảo trì nhất định cũng như việc thu xếp các chuyến bay thử lần cuối, chi phí kiểm tra, hải quan và rút tên đăng ký, tháo bỏ các bộ phận và thiết bị gắn thêm của Tập đoàn (nếu có) và việc hoàn trả máy bay đến địa điểm cụ thể. Tại ngày bắt đầu thuê, chi phí hoàn trả ước tính được ghi nhận vào dự phòng với khoản tương ứng ghi vào chi phí trả trước dài hạn. Chi phí trả trước dài hạn này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê. Ảnh hưởng của giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu vận chuyển hành khách*

Doanh thu vận chuyển hành khách được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ vận chuyển được cung cấp hoặc khi vé máy bay hết hạn. Giá trị của các vé chưa được sử dụng và các phí dịch vụ liên quan khác được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện được trình bày trong nợ ngắn hạn. Các vé không được hoàn lại thông thường hết hạn vào ngày dự định bay, ngoại trừ trường hợp ngày này được kéo dài ra theo yêu cầu có trả phí từ phía khách hàng vào hoặc trước ngày dự định bay. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu. Doanh thu vận chuyển hành khách được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu hoạt động phụ trợ

Doanh thu hoạt động phụ trợ bao gồm bao gồm doanh thu bán hàng hóa trên máy bay và trong cửa hàng miễn thuế, doanh thu quảng cáo, hoa hồng, doanh thu vận chuyển hàng hóa và doanh thu từ các dịch vụ liên quan đến vận chuyển hành khách.

Doanh thu bán hàng hóa trên máy bay và trong cửa hàng miễn thuế được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu từ vận chuyển hàng hóa được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ được cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu từ quảng cáo và hoa hồng được ghi nhận là doanh thu hoạt động phụ trợ tại thời điểm được hưởng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu từ dịch vụ liên quan đến vận chuyển hành khách như phí thay đổi hoặc gia hạn các vé không được hoàn lại được ghi nhận là doanh thu hoạt động phụ trợ tại thời điểm thu phí. Các khoản phí điều chỉnh liên quan đến các vé không được hoàn lại được ghi nhận như là một giao dịch riêng biệt với vận chuyển hành khách và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi tính cho hành khách. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê chuyến bay

Doanh thu cho thuê chuyến bay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ được cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê máy bay

Doanh thu cho thuê máy bay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng cho thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

(v) Doanh thu bán máy bay

Doanh thu bán máy bay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu máy bay được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng máy bay bị trả lại.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Giao dịch bán và thuê lại máy bay

Tập đoàn có các giao dịch bán và thuê lại máy bay là giao dịch mà trong đó khi máy bay được Tập đoàn bán và sau đó được chính Tập đoàn thuê lại. Phương pháp kế toán áp dụng cho các giao dịch bán và thuê lại tài sản được thực hiện căn cứ theo phân loại phần giao dịch thuê tài sản.

Đối với giao dịch bán và thuê lại tài sản là thuê hoạt động:

- Nếu tiền thuê và giá bán được thỏa thuận ở mức giá trị hợp lý, tức là đã thực hiện một nghiệp vụ bán hàng thông thường thì các khoản lãi hay lỗ được ghi nhận ngay trong năm phát sinh.
- Nếu giá bán thấp hơn giá trị hợp lý thì các khoản lãi hoặc lỗ cũng phải được ghi nhận ngay trong năm phát sinh, trừ trường hợp khoản lỗ được bù đắp bằng tiền thuê trong tương lai ở một mức giá thuê thấp hơn giá thuê thị trường. Trường hợp này khoản lỗ không được ghi nhận ngay mà phải phân bổ dần vào chi phí phù hợp với khoản thanh toán tiền thuê trong suốt thời gian mà tài sản đó được dự kiến sử dụng;
- Nếu giá bán cao hơn giá trị hợp lý thì khoản chênh lệch cao hơn giá trị hợp lý phải được phân bổ dần vào thu nhập phù hợp với khoản thanh toán tiền thuê trong suốt thời gian mà tài sản đó được dự kiến sử dụng.
- Nếu giá trị hợp lý tại thời điểm bán và thuê hoạt động lại tài sản thấp hơn giá trị còn lại của tài sản, khoản lỗ bằng số chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá trị hợp lý phải được ghi nhận ngay trong năm phát sinh.

(vi) Doanh thu từ dịch vụ khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tiến độ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(vii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(viii) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Cho mục đích quản lý, Tập đoàn có hai bộ phận hoạt động kinh doanh như sau:

- Cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách và hàng hóa, các dịch vụ phụ trợ, cho thuê máy bay và quảng cáo trên máy bay (gọi tắt là “dịch vụ hàng không”); và
- Mua bán máy bay.

Trừ các hoạt động nêu trên, Tập đoàn không có bộ phận hoạt động kinh doanh nào khác được tổng hợp để hình thành các bộ phận hoạt động kinh doanh khác phải báo cáo. Thông tin bộ phận cho tổng doanh thu và giá vốn hàng bán được trình bày trong các thuyết minh (Thuyết minh 27 và Thuyết minh 28) của báo cáo tài chính hợp nhất. Không có doanh thu nội bộ giữa các bộ phận hoạt động kinh doanh. Tất cả tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, thu nhập khác và chi phí khác của Tập đoàn là không được phân bổ.

Ban Giám đốc xác định bộ phận hoạt động kinh doanh dựa trên báo cáo đã được soát xét và sử dụng để ra quyết định chiến lược.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Doanh thu của Tập đoàn được trình bày theo khu vực địa lý (theo quốc gia ở điểm đến) như sau:

	2016	2015
	VND	VND
Trong Việt Nam	11.383.297.393.344	8.555.403.290.664
Ngoài Việt Nam	16.115.998.844.293	11.290.075.629.188
	<hr/>	<hr/>
	27.499.296.237.637	19.845.478.919.852

Tài sản bộ phận và chi tiêu vốn không được trình bày do vị trí tài sản và hoạt động chủ yếu là ở Việt Nam.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	2.543.172.753	3.796.679.625
Tiền gửi ngân hàng	1.084.198.292.938	269.716.238.070
Các khoản tương đương tiền	1.654.600.000.000	650.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	2.741.341.465.691	923.512.917.695

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất năm từ 4,5% đến 5,6% trong năm 2016 (2015: từ 1% đến 5,3%) và các khoản tiền gửi ngân hàng bằng USD có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất năm là 0% trong năm 2016 (2015: không có các khoản tiền gửi ngân hàng bằng USD).

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 bao gồm 165.881 triệu VND được dùng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (“HDBank”) – Hội sở và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (“Vietinbank”) – Chi nhánh Quận 11 (Thuyết minh 20).

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm 175.000 triệu VND (1/1/2016: Không) được dùng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại HDBank – Hội sở (Thuyết minh 20).

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Hangzhou BaoLi Co., Ltd	1.556.774.827.960	514.870.541.180
World Go International Co., Ltd	38.556.753.163	11.455.024.049
Khách hàng khác	163.028.615.104	112.907.491.983
	1.758.360.196.227	639.233.057.212

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016, phải thu ngắn hạn của khách hàng bao gồm 377.056 triệu VND được dùng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh 20).

(b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh	-	560.824.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Du lịch Bắc Mỹ An	51.342.000	6.008.000
Công ty Cổ phần Khách Sạn và Du Lịch Thiên Thai	16.500.000	-
	67.842.000	6.008.000

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Trả trước cho người bán

(a) Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Trả trước cho dịch vụ sửa chữa động cơ	27.143.242.096	-
Trả trước cho Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited, một công ty liên kết	14.757.791.669	-
Trả trước cho dự án trung tâm huấn luyện bay	-	180.000.000.000
Trả trước cho Công ty Cổ phần Khách Sạn và Du Lịch Thiên Thai, một bên liên quan, để thực hiện dự án khu nhà ở cho tiếp viên	-	100.000.000.000
Trả trước khác	49.412.932.270	54.715.978.511
	91.313.966.035	334.715.978.511

Các khoản trả trước cho các bên liên quan không được bảo đảm và không hường lãi.

(b) Trả trước cho người bán dài hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Hợp đồng hợp tác đầu tư	701.500.000.000	-

Trả trước cho người bán dài hạn phản ánh khoản đóng góp của Công ty theo Hợp đồng số 01/2016/VJA-TDĐB ngày 2 tháng 6 năm 2016 hợp tác với Công ty Cổ phần Thương mại Thùy Dương – Đức Bình để xây dựng một khu phức hợp văn phòng và khu dân cư tại số 18E Cộng Hòa, Phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty sẽ được nhận 15.547 m² diện tích văn phòng và 13.409 m² diện tích khu dân cư và sử dụng các khu vực này làm văn phòng và ký túc xá của Công ty sau khi dự án hoàn thành dự kiến trong vòng 3 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Đặt cọc mua máy bay	3.462.539.158.419	3.020.517.186.184
Các khoản đóng góp vào quỹ bảo dưỡng máy bay	901.462.143.692	320.326.400.008
Chi phí trả hộ Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited, một công ty liên kết	447.296.489.780	160.345.864.150
Khoản giảm giá mua hàng phải thu	299.790.648.188	-
Phải thu khác liên quan đến việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (“IPO”)	32.409.850.138	-
Phải thu từ quỹ bảo dưỡng máy bay	14.573.306.867	-
Phải thu sửa chữa khoang máy bay	12.079.587.527	39.987.259.744
Phí tư vấn trả trước cho Công ty Cổ phần Sovico, một cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	-	6.701.877.729
Lãi tiền gửi và lãi cho vay phải thu	1.706.069.444	52.122.365.334
Tạm ứng cho nhân viên	40.451.553.468	48.342.981.996
Đặc cọc tiền thuê văn phòng cho Công ty Cổ phần Khách Sạn và Du Lịch Thiên Thai, một bên liên quan	-	10.000.000.000
Các khoản đặt cọc khác	30.296.462.087	17.854.259.318
Phải thu khác	36.477.195.196	9.258.639.835
	5.279.082.464.806	3.685.456.834.298

Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không được bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Các khoản đóng góp vào quỹ bảo dưỡng máy bay	2.099.900.362.116	1.529.980.542.163
Đặc cọc mua máy bay	1.669.592.291.185	825.151.888.246
Đặt cọc thuê máy bay	614.849.191.414	512.179.593.037
Phải thu khác	18.932.555.482	17.914.572.314
	4.403.274.400.197	2.885.226.595.760

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	-	-	32.485.725	-
Công cụ và dụng cụ	133.562.282.327	-	159.388.355.629	-
Hàng hóa	4.368.014.428	-	5.007.281.518	-
	<hr/> 137.930.296.755	-	164.428.122.872	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 137.930 triệu VND (1/1/2016: 164.428 triệu VND) được thế chấp tại Vietinbank – Chi nhánh Quận 11 để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 20).

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Máy bay và các bộ phận VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	-	11.849.962.336	14.750.215.587	13.055.597.977	39.655.775.900
Tăng trong năm	101.290.631.452	45.398.507.608	659.242.211	1.882.793.489	149.231.174.760
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	913.682.191.969	-	-	-	913.682.191.969
Số dư cuối năm	1.014.972.823.421	57.248.469.944	15.409.457.798	14.938.391.466	1.102.569.142.629
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	6.911.848.515	9.992.580.164	5.009.036.656	21.913.465.335
Khấu hao trong năm	30.816.828.145	6.099.238.838	1.320.787.435	2.624.314.684	40.861.169.102
Số dư cuối năm	30.816.828.145	13.011.087.353	11.313.367.599	7.633.351.340	62.774.634.437
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	-	4.938.113.821	4.757.635.423	8.046.561.321	17.742.310.565
Số dư cuối năm	984.155.995.276	44.237.382.591	4.096.090.199	7.305.040.126	1.039.794.508.192

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 11.455 triệu VND đã khấu hao hết (1/1/2016: 10.499 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 888.585 triệu VND (1/1/2016: không) được dùng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Tập đoàn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (Thuyết minh 20).

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	26.367.181.251
Tăng trong năm	1.213.034.904
	27.580.216.155
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	15.144.594.212
Phân bổ trong năm	5.012.027.745
	20.156.621.957
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	11.222.587.039
Số dư cuối năm	7.423.594.198

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 6.613 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 5.630 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	137.353.932.965	146.099.277.427
Tăng trong năm	1.007.477.052.467	153.769.930.522
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(913.682.191.969)	-
Giảm khác	(49.846.549.864)	(162.515.274.984)
	181.302.243.599	137.353.932.965

Trong năm, chi phí lãi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 23.050 triệu VND (2015: 29.860 triệu VND).

Xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chủ yếu bao gồm các chi phí phát sinh liên quan đến việc mua máy bay chưa hoàn thành.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2016		1/1/2016	
	% quyền sở hữu/quyền biểu quyết	VND	% quyền sở hữu/quyền biểu quyết	VND
Đầu tư góp vốn vào:				
• Công ty liên kết				
- Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited (*)	9%	-	9%	-
- Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh (*) (**)	10%	60.000.000.000	-	-
		60.000.000.000		-
• Các đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	4%	7.868.448.000	4%	7.868.448.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:				
• Hợp đồng hợp tác đầu tư		556.181.818		556.181.818
		68.424.629.818		8.424.629.818

(*) Công ty có ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này bởi vì Công ty có quyền bổ nhiệm thành viên trong Hội đồng Quản trị của các công ty này.

(**) Khoản này phản ánh khoản đầu tư vào 6.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh trong năm 2016.

14. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí thuê máy bay trả trước	227.656.900.271	178.338.944.890
Chi phí bảo dưỡng máy bay trả trước	13.212.911.483	16.440.934.746
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	632.216.257	8.056.990.907
	241.502.028.011	202.836.870.543

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí bảo dưỡng máy bay VND	Chi phí hoàn trả tài sản thuê VND	Chi phí kiểm tra và sửa chữa lớn VND	Phụ tùng xoay vòng, công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	2.247.148.148.287	142.173.066.533	140.064.199.458	196.630.229.782	1.013.748.701	2.727.029.392.761
Tăng trong năm	1.178.269.279.439	61.816.749.558	135.304.649.002	174.488.437.268	1.757.971.843	1.551.637.087.110
Phân bổ trong năm	(322.052.554.797)	(31.917.515.187)	(108.847.091.444)	(160.209.216.635)	(2.582.266.168)	(625.608.644.231)
Xóa sổ trong năm	(305.542.382.713)	-	-	-	-	(305.542.382.713)
Số dư cuối năm	2.797.822.490.216	172.072.300.904	166.521.757.016	210.909.450.415	189.454.376	3.347.515.452.927

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2016 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2016 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Nhiên liệu bay Petrolimex	243.481.418.499	123.621.454.259
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	21.849.959.094	86.718.052.069
Các nhà cung cấp khác	125.786.026.237	215.485.991.932
	<hr/>	<hr/>
	391.117.403.830	425.825.498.260
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

16. Thuế phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã cần trừ trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2016 VND
	1/1/2016 VND				
Thuế giá trị gia tăng	42.064.055.558	1.205.438.885.148	(460.761.984.913)	-	64.969.047.604
Thuế thu nhập cá nhân	13.217.859.358	257.427.177.089	(253.664.090.637)	-	16.980.945.810
Thuế nhà thầu	7.651.931.999	23.400.200.494	(87.905.659.940)	56.853.527.447	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	156.246.350.074	(40.220.855.647)	-	116.025.494.427
	62.933.846.915	1.642.512.612.805	(842.552.591.137)	56.853.527.447	197.975.487.841

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	Số phải thu trong năm VND	Số được hoàn lại trong năm VND	Số đã cần trừ trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2016 VND
	1/1/2016 VND				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	5.680.535.184	721.774.123.829	-	-	5.682.750.824
Thuế nhà thầu	-	-	-	56.853.527.447	56.853.527.447
	5.680.535.184	721.774.123.829	-	56.853.527.447	62.536.278.271

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Chi phí liên quan đến máy bay	409.026.251.553	350.426.292.908
Lương tháng 13	34.312.991.844	15.711.421.153
Chi phí lãi vay	4.863.884.399	2.074.074.095
Chi phí bảo trì	-	14.338.340.858
Chi phí khác	44.294.024.887	14.387.548.571
	492.497.152.683	396.937.677.585

18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Doanh thu vận chuyển hành khách và hoạt động phụ trợ nhận trước, sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	1.306.836.634.360	662.230.377.199

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Lệ phí sân bay phải trả	399.300.619.575	233.290.358.812
Đặt cọc ngắn hạn đã nhận	107.423.263.649	1.167.425.328
Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh, một bên liên quan	-	300.000.000.000
Phải trả cho các bên liên quan khác (*)	7.676.125.320	33.832.034.038
Phải trả khác	14.265.308.106	53.885.061.436
	528.665.316.650	622.174.879.614

(*) Khoản phải trả phi thương mại cho các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2016		Biến động trong năm		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Thanh toán VND	Đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	3.543.467.794.788	20.472.167.981.143	(18.002.824.709.967)	23.621.519.321	6.036.432.585.285	
Vay dài hạn đến hạn trả	-	98.265.600.000	(32.311.340.000)	-	65.954.260.000	
	3.543.467.794.788	20.570.433.581.143	(18.035.136.049.967)	23.621.519.321	6.102.386.845.285	

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (“HDBank”) – Hội sở (a)				
Khoản vay 1	VND	2,4% – 5,5%	106.812.385.443	-
Khoản vay 2	USD	1,4%	-	133.788.438.427
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (“Vietinbank”) – Chi nhánh Quận 11 (b)				
Khoản vay 3	VND	4,8% – 5,3%	1.647.157.457.453	799.584.491.935
Khoản vay 4	USD	1,4% – 1,6%	334.867.496.106	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (c)				
Khoản vay 5	VND	5% – 5,2%	340.862.342.163	338.059.374.846
Khoản vay 6	USD	1,5% – 1,85%	682.060.978.753	131.551.003.813
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex (e)				
Khoản vay 7	VND	5% – 5,5%	118.684.487.400	148.932.876.040
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (e)				
Khoản vay 8	VND	5% – 5,3%	770.578.961.161	499.967.032.083
Khoản vay 9	USD	5%	79.764.999.999	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (e)				
Khoản vay 10	USD	1,3% – 2,5%	128.315.091.936	225.540.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (e)				
Khoản vay 11	VND	5% – 5,5%	894.341.373.335	763.181.592.235
Khoản vay 12	USD	2,2%	-	387.719.867.627
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (e)				
Khoản vay 13	USD	1,65%	433.497.690.959	-
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam (e)				
Khoản vay 14	VND	3,5% – 4,7%	166.665.685.684	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (d)				
Khoản vay 15	USD	1,9% – 3,5%	332.823.634.893	115.143.117.782
			6.036.432.585.285	3.543.467.794.788

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (a) Khoản vay 1 và 2 từ HDBank – Hội sở, một bên liên quan, được bảo đảm bởi các tài sản sau:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng (Thuyết minh 5)	-	70.614.566.717
Các khoản tương đương tiền (Thuyết minh 5)	175.000.000.000	-
	175.000.000.000	70.614.566.717

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản vay 1 được bảo đảm bằng các khoản phải thu hình thành trong tương lai từ hợp đồng mua bán máy bay giữa Công ty và Avation Plc, một công ty cho thuê máy bay.

- (b) Chi tiết các tài sản bảo đảm cho khoản vay 3 và 4 như sau:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Hàng tồn kho (Thuyết minh 9)	137.930.296.755	164.428.122.872
Tiền gửi tại ngân hàng (Thuyết minh 5)	-	95.266.033.861
	137.930.296.755	259.694.156.733

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản vay 3 và 4 được bảo đảm bằng các khoản phải thu hình thành trong tương lai từ hợp đồng mua bán máy bay A320 và A321 của máy bay giao tháng 6 năm 2017 giữa Công ty và Goshawk Management (Ireland) Limited, một công ty cho thuê máy bay.

- (c) Chi tiết các tài sản bảo đảm cho khoản vay 5 và 6 như sau:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 6)	-	377.055.901.869

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản vay 5 và 6 được bảo đảm bằng các khoản phải thu hình thành trong tương lai từ hợp đồng mua bán máy bay A320 và A321 của các máy bay giao tháng 5 và tháng 6 năm 2017 giữa Công ty và Goshawk Management (Ireland) Limited, một công ty cho thuê máy bay.

- (d) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản vay 15 được bảo đảm các khoản phải thu được hình thành trong tương lai từ hợp đồng mua bán máy bay A320 và A321 của máy bay giao tháng 5 năm 2017 giữa Công ty và Goshawk Management (Ireland) Limited, một công ty cho thuê máy bay.
- (e) Các khoản vay 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 và 14 không được bảo đảm.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Vay dài hạn	760.794.559.644	-
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(65.954.260.000)	-
	694.840.299.644	-

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016	1/1/2016
				VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	USD	3,63% – 3,64%	2017 – 2028	760.794.559.644	-

Số dư nợ gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 này được hoàn trả trong 24 kỳ, mỗi kỳ sáu tháng trả 1,4 triệu USD và kỳ cuối cùng trả 1,5 triệu USD vào ngày 13 tháng 6 năm 2028.

Chi tiết các tài sản bảo đảm cho khoản vay này như sau:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Máy bay số hiệu A320 MSN 7167, VNA675 (Thuyết minh 10)	888.585.171.422	-

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Dự phòng

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

	Dự phòng chi phí bảo dưỡng VND	Dự phòng hoàn trả tài sản thuê VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	3.743.787.222.790	230.268.118.728	3.974.055.341.518
Dự phòng lập trong năm	1.178.269.279.439	61.816.749.558	1.240.086.028.997
Giá trị thời gian của đồng tiền đã được chiết khấu	433.096.479.471	9.186.674.391	442.283.153.862
Dự phòng sử dụng trong năm	(108.035.639.289)	(9.281.227.500)	(117.316.866.789)
Dự phòng xóa sổ trong năm	(358.627.742.834)	-	(358.627.742.834)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	27.063.624.867	-	27.063.624.867
Số dư cuối năm	4.915.553.224.444	291.990.315.177	5.207.543.539.621
Ngắn hạn	1.225.810.611.444	17.878.357.693	1.243.688.969.137
Dài hạn	3.689.742.613.000	274.111.957.484	3.963.854.570.484
	4.915.553.224.444	291.990.315.177	5.207.543.539.621

22. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	2.368.124.035	250.270.000
Dự phòng phải trả	520.754.353.962	397.405.534.152
Chi phí phải trả ngắn hạn	3.431.299.184	947.642.206
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	526.553.777.181	398.603.446.358
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Chi phí trả trước dài hạn	(296.989.479.112)	(238.932.121.482)
Các khoản đóng góp vào quỹ bảo dưỡng máy bay	(300.136.250.581)	(185.030.694.217)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(11.899.387.210)	(6.199.298.761)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(609.025.116.903)	(430.162.114.460)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần	(82.471.339.722)	(31.558.668.102)

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	800.000.000.000	459.541.430	165.469.371.669	727.479.009	966.656.392.108
Cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 25)	200.000.000.000	-	(200.000.000.000)	-	-
Phát hành cổ phiếu phổ thông	450.000.000.000	-	-	-	450.000.000.000
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	(450.000.000.000)	-	(450.000.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	1.170.253.353.846	378.359.817	1.170.631.713.663
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ các hoạt động ở nước ngoài	-	10.118.928.613	-	-	10.118.928.613
Thanh lý một công ty con có lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	33.245.966	33.245.966
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	1.450.000.000.000	10.578.470.043	685.722.725.515	1.139.084.792	2.147.440.280.350
Cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 25)	978.500.000.000	-	(978.500.000.000)	-	-
Phát hành cổ phiếu phổ thông	571.500.000.000	-	-	-	571.500.000.000
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	(500.000.000.000)	-	(500.000.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	2.495.640.185.684	346.857.245	2.495.987.042.929
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ các hoạt động ở nước ngoài	-	19.094.854.360	-	-	19.094.854.360
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	3.000.000.000.000	29.673.324.403	1.702.862.911.199	1.485.942.037	4.734.022.177.639

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt/đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	300.000.000	3.000.000.000.000	145.000.000	1.450.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm, vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty tăng từ 3.000.000 triệu VND lên 3.223.881 triệu VND.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2016		2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	145.000.000	1.450.000.000.000	80.000.000	800.000.000.000
Cổ tức bằng cổ phiếu trong năm	97.850.000	978.500.000.000	20.000.000	200.000.000.000
Phát hành cổ phiếu cân trừ với cổ tức bằng tiền trong năm	50.000.000	500.000.000.000	45.000.000	450.000.000.000
Phát hành cổ phiếu bằng tiền trong năm	7.150.000	71.500.000.000	-	-
Số dư cuối năm	300.000.000	3.000.000.000.000	145.000.000	1.450.000.000.000

Cổ tức bằng cổ phiếu trong năm

Đại hội cổ đông của Công ty vào ngày 6 tháng 5 năm 2016 đã phê duyệt việc phát hành cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ là mỗi cổ đông hiện hữu sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận được 33 cổ phiếu mới. Tổng giá trị của cổ phiếu phát hành theo mệnh giá là 478.500 triệu VND (2015: 200.000 triệu VND), tương đương với 47.850.000 cổ phiếu phổ thông mới.

Đại hội cổ đông của Công ty vào ngày 17 tháng 11 năm 2016 đã phê duyệt việc phát hành cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ là mỗi cổ đông hiện hữu sở hữu 5 cổ phiếu sẽ nhận được 1 cổ phiếu mới. Tổng giá trị của cổ phiếu phát hành theo mệnh giá là 500.000 triệu VND, tương đương với 50.000.000 cổ phiếu phổ thông mới.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Phát hành cổ phiếu cân trừ với cổ tức bằng tiền trong năm

Đại hội cổ đông của Công ty vào ngày 5 tháng 9 năm 2016 đã phê duyệt tạm ứng cổ tức bằng tiền là 500.000 triệu VND (2015: 450.000 triệu VND). Các cổ đông đã ủy quyền cho Công ty cân trừ các khoản cổ tức bằng tiền này với số cổ phiếu phát hành thêm theo nghị quyết của các cổ đông vào ngày 21 tháng 9 năm 2016.

Phát hành cổ phiếu bằng tiền trong năm

Đại hội cổ đông của Công ty vào ngày 6 tháng 5 năm 2016 cũng đã phê duyệt phát hành 7.150.000 cổ phiếu theo mệnh giá cho nhân viên của Công ty.

25. Cổ tức

Đại hội cổ đông của Công ty vào ngày 6 tháng 5 năm 2016 đã phê duyệt việc phát hành cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ là mỗi cổ đông hiện hữu sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận được 33 cổ phiếu mới. Tổng giá trị của cổ phiếu phát hành theo mệnh giá là 478.500 triệu VND (2015: 200.000 triệu VND), tương đương với 47.850.000 cổ phiếu phổ thông mới.

Đại hội cổ đông của Công ty vào ngày 5 tháng 9 năm 2016 đã phê duyệt tạm ứng cổ tức bằng tiền là 500.000 triệu VND (2015: 450.000 triệu VND). Các cổ đông đã ủy quyền cho Công ty cân trừ các khoản cổ tức bằng tiền này với số cổ phiếu phát hành thêm theo nghị quyết của các cổ đông vào ngày 21 tháng 9 năm 2016.

Đại hội cổ đông của Công ty vào ngày 17 tháng 11 năm 2016 đã phê duyệt việc phát hành cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ là mỗi cổ đông hiện hữu sở hữu 5 cổ phiếu sẽ nhận được 1 cổ phiếu mới. Tổng giá trị của cổ phiếu phát hành theo mệnh giá là 500.000 triệu VND, tương đương với 50.000.000 cổ phiếu phổ thông mới.

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	3.329.553.590.024	1.365.570.676.824
Trong vòng 2 đến 5 năm	11.786.025.592.691	4.818.618.055.197
Sau 5 năm	12.974.577.948.968	2.593.230.085.091
	<hr/>	<hr/>
	28.090.157.131.683	8.777.418.817.112

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	95.442.767	2.168.459.663.514	6.544.678	146.537.458.046

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng (*)	462.500.000.000	236.428.571.428
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	3.825.000.000.000	-
	4.287.500.000.000	236.428.571.428

(*) Ngoài các cam kết trên, Công ty cũng ký một thỏa thuận khung và các phụ lục liên quan với Airbus S.A.S để mua 119 máy bay và với Boeing Company để mua 100 máy bay. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã nhận được 20 chiếc máy bay, các máy bay còn lại dự kiến sẽ tiếp tục được chuyển giao cho Công ty từ năm 2017 đến năm 2023.

Theo các hợp đồng mua bán máy bay, các cam kết của Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 liên quan đến khoản thanh toán trước khi giao các máy bay còn lại (bao gồm động cơ) là 1.200 triệu USD (đối với các máy bay Airbus) và 1.052 triệu USD (đối với các máy bay Boeing).

Ngoài ra, Công ty cũng ký một thỏa thuận khung và các phụ lục liên quan với CFM International S.A để mua 3 động cơ máy bay thay thế và với United Technologies Corporation (Pratt & Whitney Division) để mua 9 động cơ máy bay thay thế.



Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2016	2015
	VND	VND
Vận chuyển hành khách		
▪ Nội địa	8.646.255.772.294	6.724.682.633.020
▪ Quốc tế	801.915.629.801	481.252.164.219
▪ Cho thuê chuyến bay và cho thuê ướm máy bay	2.719.886.832.505	1.336.803.281.353
	12.168.058.234.600	8.542.738.078.592
Doanh thu hoạt động phụ trợ	3.552.923.831.576	2.474.737.561.716
Doanh thu từ cho thuê khô máy bay	56.914.200.000	56.800.800.000
Doanh thu khác	139.450.521.121	4.990.079.544
Doanh thu từ bán máy bay	11.581.949.450.340	8.766.212.400.000
	27.499.296.237.637	19.845.478.919.852
Trong đó:		
Tổng doanh thu cung cấp dịch vụ hàng không	15.917.346.787.297	11.079.266.519.852
Tổng doanh thu từ bán máy bay	11.581.949.450.340	8.766.212.400.000
	27.499.296.237.637	19.845.478.919.852

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Giá vốn hàng bán

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí khối dịch vụ và khai thác mặt đất	1.123.517.651.781	767.471.742.896
Chi phí khối khai thác bay	10.866.887.021.349	7.517.025.723.355
Chi phí khối kỹ thuật	737.044.632.260	566.201.538.790
Chi phí khối an toàn, an ninh và đảm bảo chất lượng bay	20.575.056.630	7.424.768.698
Chi phí dịch vụ vận chuyển hàng hóa	84.883.338.007	72.368.868.001
Chi phí khấu hao và phân bổ	668.100.803.990	531.133.243.849
Chi phí khác	41.120.606.588	26.141.372.093
Giá vốn của máy bay đã bán	10.055.330.283.951	8.247.773.138.091
	<hr/>	<hr/>
	23.597.459.394.556	17.735.540.395.773
	<hr/>	<hr/>
Trong đó:		
Tổng giá vốn cung cấp dịch vụ hàng không	13.542.129.110.605	9.487.767.257.682
Tổng giá vốn của máy bay đã bán	10.055.330.283.951	8.247.773.138.091
	<hr/>	<hr/>
	23.597.459.394.556	17.735.540.395.773
	<hr/>	<hr/>

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016	2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	55.494.512.525	14.959.749.738
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	37.428.630.925	86.907.900.041
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	50.494.265.652	-
Cổ tức được chia	1.180.266.000	-
Thu nhập từ đầu tư vào hợp đồng hợp tác đầu tư và trái phiếu doanh nghiệp	-	31.807.087.556
Lãi từ thanh lý công ty con và công ty liên kết	-	19.634.366.469
Thu nhập tài chính khác	58.665.034	367.692.863
	<hr/>	<hr/>
	144.656.340.136	153.676.796.667
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí tài chính

	2016	2015
	VND	VND
Giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu của các khoản dự phòng phải trả	442.283.153.862	272.908.367.170
Chi phí lãi vay	180.732.739.883	129.699.274.892
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	30.932.661.211	118.775.271.802
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	40.184.427.061
	653.948.554.956	561.567.340.925

31. Chi phí bán hàng

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí quảng cáo và bán hàng	237.253.896.663	126.505.861.711
Chi phí quảng cáo và tiếp thị	219.120.948.284	137.160.216.770
Chi phí nhân viên	57.327.184.911	49.074.432.025
Chi phí khấu hao và phân bổ	379.588.887	469.982.457
Chi phí khác	3.708.713.751	4.633.930.625
	517.790.332.496	317.844.423.588

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	81.805.573.809	76.369.251.406
Chi phí thuê văn phòng	17.887.211.429	15.290.906.072
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.001.448.201	4.416.999.795
Chi phí bảo hiểm	44.124.246	49.275.874
Chi phí khác	86.062.671.897	107.227.482.845
	188.801.029.582	203.353.915.992

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí mua máy bay	10.055.330.283.951	8.247.773.138.091
Chi phí nhiên liệu trong giá vốn hàng bán	5.369.109.087.358	4.147.611.503.988
Chi phí nhân viên và nhân công	1.736.737.890.476	1.149.606.678.967
Chi phí khấu hao và phân bổ	45.873.196.847	10.165.032.533
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.253.281.775.262	3.313.885.273.437
Chi phí khác	843.718.522.740	796.876.820.783

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	156.246.350.074	-
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	50.912.671.620	(2.149.186.431)
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập doanh nghiệp	207.159.021.694	(2.149.186.431)

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu số thực tế

	2016	2015
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	2.703.146.064.623	1.168.482.527.232
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	540.629.212.925	233.696.505.446
Ảnh hưởng của thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(305.233.872.706)	(103.640.918.362)
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	-	(31.558.668.102)
Chi phí không được khấu trừ thuế	575.054.880	1.503.755.878
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả chưa được ghi nhận	89.892.060.006	(239.562.809)
Ưu đãi thuế	(118.703.433.411)	(101.910.298.482)
	207.159.021.694	(2.149.186.431)

(c) Thuế suất áp dụng

(i) Các công ty thành lập tại Việt Nam

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet

Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ vận tải hành khách và hàng hóa công cộng, theo các điều khoản trong các quy định và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong 10 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên và mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông cho những năm tiếp theo. Tuy nhiên, các điều khoản trong quy định thuế hiện hành cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong hai năm bắt đầu từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập cho 3 năm tiếp theo.

Đối với các hoạt động khác, theo các quy định và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông trên lợi nhuận tính thuế.

Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho Tập đoàn chưa tính các ưu đãi là 20% (1/1/2016: 22%).

Công ty Cổ phần Vietjet Air Cargo

Theo các điều khoản trong các quy định và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Công ty Cổ phần Vietjet Air Cargo có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế (2015: 22%).

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các công ty thành lập tại Quần đảo British Virgin

Vietjet Air IVB No. I Limited và Vietjet Air IVB No. II Limited

Thu nhập hoặc lợi nhuận tại Quần đảo British Virgin không chịu thuế. Do đó, không có dự phòng cho thuế thu nhập tại Quần đảo British Virgin trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

(iii) Công ty thành lập tại Singapore

Vietjet Air Singapore Pte. Ltd.

Vietjet Air Singapore Pte. Ltd. có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập bằng 17% trên lợi nhuận tính thuế.

(iv) Công ty thành lập tại Ireland

Vietjet Air Ireland No. 1 Limited

Đối với hoạt động kinh doanh, Vietjet Air Ireland No. 1 Limited có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập bằng 12.5% trên lợi nhuận tính thuế.

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được tính dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 260.329.178 (2015: 198.589.726 cổ phiếu) chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2016	2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	2.495.640.185.684	1.170.253.353.846

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Số cổ phiếu	
	2016	2015
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	145.000.000	80.000.000
Ảnh hưởng của cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2016	97.850.000	97.850.000
Ảnh hưởng của cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2015	-	20.000.000
Ảnh hưởng của phát hành cổ phiếu trong năm	17.479.178	739.726
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	260.329.178	198.589.726

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016	2015
	VND	VND
Các cổ đông có ảnh hưởng đáng kể		
Các khoản vay từ HDBank	758.722.469.930	1.123.180.663.833
Chi phí lãi vay	5.960.878.899	23.386.718.198
Khoản vay cấp cho một cổ đông	-	30.000.000.000
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	10.663.536.965	25.150.611.112
Dịch vụ đã cung cấp	47.478.830.795	3.871.800.200
Chi phí dịch vụ tư vấn	4.379.100.000	4.218.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	1.180.000.000.000	-
Công ty liên kết		
Chi phí chi hộ	414.042.387.138	120.191.442.366
Dịch vụ đã cung cấp	62.758.730.595	56.800.800.000
Đầu tư góp vốn	60.000.000.000	-
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		
Thù lao và lương	13.109.379.578	12.778.035.334
Các bên liên quan khác		
Thu hồi khoản đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp	14.841.666.667	9.000.000.000
Thu nhập từ dịch vụ cho thuê	265.998.900	-
Nhận đầu tư vào hợp đồng hợp tác đầu tư	-	300.000.000.000

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

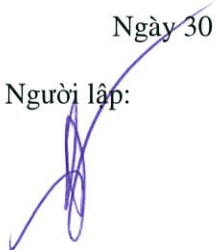
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2016 VND	2015 VND
Cổ tức bằng cổ phiếu	978.500.000.000	200.000.000.000
Cán trừ khoản phải trả cổ tức bằng tiền với khoản phải thu từ phát hành cổ phiếu phổ thông	500.000.000.000	450.000.000.000
Thanh lý một công ty con nhưng chưa thu tiền	-	3.400.000.000

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Hoàng Mạnh Hà
 Quyền Kế Toán Trưởng

Người duyệt:



Lưu Đức Khánh
 Giám đốc Điều hành

